

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Khóa đào tạo: 2025

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5420/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			31						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					3
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		3
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		3
IV. Giáo dục thể chất (*)			3						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			17						
14	AE7001	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	2	15	30				1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			133						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			9						
1.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành bắt buộc			7						
22	CO7000T	Toán cao cấp	3	45					1
23	CO7002	Vật lý đại cương	2	30					2
24	CO7103	Hóa đại cương	2	24	12				3
1.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành tự chọn			2						
25	CO7105	Xác suất thống kê	2	30					2
26	CO7106	Đại số tuyến tính	2	30					
27	AE7101	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô	2	30					
II. Kiến thức cơ sở ngành			33						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			27						
28	CO7001T	Hình học họa hình	2	15	30				1
29	CO7003	Cơ lý thuyết	3	45					2
30	CO7004	Sức bền vật liệu	3	45			CO7003		3
31	AE7002	Nguyên lý - chi tiết máy	4	30	60				3
32	AE7003	Kỹ thuật điện - điện tử	3	30	30				4
33	AE7004	Kỹ thuật nhiệt, lạnh	3	30	30				4
34	AE7005	Dung sai và kỹ thuật đo lường	2	30					4
35	AE7006	Vật liệu - Công nghệ kim loại	3	30	30				5
36	AE7007	Thủy lực - Máy thủy lực	2	30					4
37	CO7107	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30					5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			6						
38	AE7008	Cảm biến và thiết bị đo ô tô	2	15	30				
39	AE7009	Kỹ thuật thủy khí	2	15	30				

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
40	AE7010	3Ds Max	3	30	30		CO7001		
41	AE7011	Cơ học lưu chất	2	15	30				5
42	AE7012	Công nghệ chế tạo cơ khí	2	15	30		AE7002 AE7006		5
43	AE7013	Cơ điện tử	2	15	30				5
44	AE7014	Truyền động khí nén và thủy lực ứng dụng	2	15	30		AE7009 AE7011		
45	AE7015	Tin học ứng dụng trong ô tô	3	30	30				
III. Kiến thức chuyên ngành			66						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			58						
46	AE7016	Kết cấu ô tô	3	30	30		CO7003 AE7003		6
47	AE7017	Lý thuyết ô tô	3	30	30		AE7016		6
48	AE7018	Động cơ điện và động cơ đốt trong	4	30	60		AE7004		6
49	AE7019	Tính toán động cơ đốt trong	3	30	30		AE7018		7
50	AE7020	Hệ thống điện và điện tử ô tô	4	30	60		AE7003 AE7007		7
51	AE7021	Chẩn đoán, sửa chữa ô tô	4	30	60		AE7016 AE7018 AE7020		8
52	AE7022	Hệ thống truyền lực ô tô	3	30	30		AE7016		7
53	AE7023	Hệ thống khung gầm ô tô	4	30	60		AE7016		8
54	AE7024	Ô tô chuyên dụng	3	30	30		AE7017		9
55	AE7025	Vì điều khiển	4	30	60		AE7020		8
56	AE7026	Thiết kế ô tô	4	30	60		AE7016 AE7017		9
57	AE7027	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô	3	30	30		AE7020 AE7025		9
58	AE7028	Kinh tế và quản lý doanh nghiệp ô tô	3	45					10
59	AE7029	Công nghệ thân thiện môi trường trong ô tô	3	30	30				10
60	AE7030	Thí nghiệm động cơ và ô tô	4	30	60		AE7017 AE7018		11
61	AE7031	Hệ thống an toàn và ổn định trong ô tô	3	30	30		AE7016 AE7017		11
62	AE7032	Hệ thống tự động hóa trên ô tô	3	30	30		AE7027		11
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			8						
63	AE7033	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô nâng cao	2	30					
64	AE7034	Tự động hóa thiết kế ô tô	3	30	30		AE7026		
65	AE7035	Kiểm định ô tô	3	30	30		AE7021		
66	AE7036	Công nghệ phun nhiên liệu điện tử	2	15	30		AE7018		7
67	AE7037	Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô	3	30	30		AE7016		
68	AE7038	Kỹ thuật sửa chữa nâng cao	3	30	30		AE7021		
69	AE7039	Hệ thống tự lái trên ô tô	2	15	30		AE7027		10
70	AE7040	Xe ô tô điện và Hybrid	2	15	30		AE7020		
71	AE7041	Công nghệ vật liệu mới	2	30					6
72	AE7042	AI trong công nghệ ô tô	2	15	30				10
IV. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			15						
73	AE7108	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30					11
74	AE7109	Quản lý dịch vụ ô tô	2	15	30				9
75	AE7200	Thực tế ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	2	5	50				10
76	AE7201	Thực tập cơ sở	3		90				12
77	AE7202	Thực tập tốt nghiệp	6		180		AE7201		12
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			10						
5.1. Đồ án tốt nghiệp									
78	AE7280	Đồ án tốt nghiệp	10		300		AE7202		13
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp									
79	CO7281	Đồ án Xây dựng	6						
80	CO7282	Thực hành thiết kế công trình	4						
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			164						
Tổng số tín chỉ tích lũy:			150						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			124						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			26						